

UBND TỈNH PHÚ YÊN
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Số: /TB-SVHTTDL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Yên, ngày tháng 5 năm 2025

THÔNG BÁO

V/v thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Căn cứ Quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 09/5/2025 của UBND tỉnh về việc Công bố danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thông báo danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh gồm 79 thủ tục. Trong đó, lĩnh vực Di sản văn hóa: 02 thủ tục; lĩnh vực Mỹ thuật và Nhiếp ảnh: 13 thủ tục; lĩnh vực Nghệ thuật biểu diễn: 02 thủ tục; lĩnh vực Văn hóa: 02 thủ tục; lĩnh vực Quảng cáo: 04 thủ tục; lĩnh vực Thư viện: 02; lĩnh vực Thể dục thể thao: 05 thủ tục; lĩnh vực Du lịch: 18 thủ tục; lĩnh vực Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử: 13 thủ tục; lĩnh vực Báo chí: 04 thủ tục; lĩnh vực Xuất bản, in và Phát hành: 13 thủ tục; lĩnh vực Thông tin đối ngoại: 01 thủ tục (có Danh mục đính kèm).

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thông báo đề các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp biết, theo dõi thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Các sở, ban, ngành trong tỉnh;
- UBND các huyện, tx, tp;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Các doanh nghiệp, tổ chức, công dân;
- Các cơ quan truyền thông;
- GD và các PGD Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Trang thông tin điện tử Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Lê Vũ

DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH
TRÊN HỆ THỐNG THÔNG TIN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TỈNH
(Ban hành kèm theo Thông báo số/TB-SVHTTDL ngày tháng 5 năm 20225)

STT	Mã hồ sơ	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Có nghĩa vụ tài chính (có/không)	Thanh toán trực tuyến (có/không)
1	1.003838.000.00.00.H45	Thủ tục cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	Di sản văn hóa	Không	Không
2	1.013456.000.00.00.H45	Thủ tục cấp phép nhập khẩu di vật, cổ vật không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh		Không	Không
3	1.001833.000.00.00.H45	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	Không	Không
4	1.001809.000.00.00.H45	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)		Không	Không
5	1.001778.000.00.00.H45	Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ		Không	Không
6	1.001755.000.00.00.H45	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)		Không	Không
7	1.001738.000.00.00.H45	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)		Không	Không
8	1.001704.000.00.00.H45	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam		Không	Không
9	1.001671.000.00.00.H45	Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm		Không	Không

10	1.001229.000.00.00.H45	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại		Không	Không
11	1.001211.000.00.00.H45	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại		Không	Không
12	1.001191.000.00.00.H45	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại		Không	Không
13	1.001182.000.00.00.H45	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại		Không	Không
14	1.001147.000.00.00.H45	Thủ tục thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại		Không	Không
15	2.001496.000.00.00.H45	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh		Không	Không
16	1.009399.000.00.00.H45	Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu (thẩm quyền của UBND tỉnh)	Nghệ thuật, biểu diễn	Không	Không
17	1.009403.000.00.00.H45	Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu		Không	Không
18	1.003676.000.00.00.H45	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh (thẩm quyền của UBND tỉnh)	Văn hóa	Không	Không
19	1.003654.000.00.00.H45	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh (thẩm quyền của UBND tỉnh)		Không	Không
20	1.004650.000.00.00.H45	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	Quảng cáo	Không	Không
21	1.004645.000.00.00.H45	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo		Không	Không

22	1.004639.000.00.00.H45	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam (thẩm quyền của UBND tỉnh)		Có	Có
23	1.004666.000.00.00.H45	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam (thẩm quyền của UBND tỉnh)		Có	Có
24	1.008896.000.00.00.H45	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam (thẩm quyền của UBND tỉnh)	Thư viện	Không	Không
25	1.008897.000.00.00.H45	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam (thẩm quyền của UBND tỉnh)		Không	Không
26	1.003441.000.00.00.H45	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	Thể dục, thể thao	Không	Không
27	1.000983.000.00.00.H45	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng		Không	Không
28	1.002022.000.00.00.H45	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức Nam (thẩm quyền của UBND tỉnh)		Không	Không
29	1.002013.000.00.00.H45	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức (thẩm quyền của UBND tỉnh)		Không	Không

30	1.001782.000.00.00.H45	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		Không	Không
31	2.001628.000.00.00.H45	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Du lịch	Có	Có
32	2.001616.000.00.00.H45	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa		Có	Có
33	2.001622.000.00.00.H45	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa		Có	Có
34	2.001611.000.00.00.H45	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành		Không	Không
35	2.001589.000.00.00.H45	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể		Không	Không
36	1.003742.000.00.00.H45	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản		Không	Không
37	1.001837.000.00.00.H45	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài		Không	Không
38	1.001440.000.00.00.H45	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm		Có	Có
39	1.004605.000.00.00.H45	Thủ tục cấp giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế		Không	Không
40	1.003717.000.00.00.H45	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài		Có	Có
41	1.003240.000.00.00.H45	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường		Có	Có

		hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện			
42	1.003275.000.00.00.H45	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy		Có	Có
43	1.005161.000.00.00.H45	Thủ tục điều chỉnh giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài		Có	Có
44	1.003002.000.00.00.H45	Thủ tục gia hạn giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài		Có	Có
45	1.004628.000.00.00.H45	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế		Có	Có
46	1.004623.000.00.00.H45	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa		Có	Có
47	1.001432.000.00.00.H45	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa		Có	Có
48	1.004614.000.00.00.H45	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch		Có	Có
49	2.001765.000.00.00.H45	Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử	Không	Không
50	1.003384.000.00.00.H45	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh		Không	Không
51	2.001098.000.00.00.H45	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp		Không	Không
52	1.005452.000.00.00.H45	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp		Không	Không
53	2.001091.000.00.00.H45	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp		Không	Không

54	2.001087.000.00.00.H45	Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp		Không	Không
55	1.002001.000.00.00.H45	Cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.		Không	Không
56	1.001976.000.00.00.H45	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên 56mạng.		Không	Không
57	2.002738.000.00.00.H45	Gia hạn giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.		Không	Không
58	1.001988.000.00.00.H45	Cấp lại Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.		Không	Không
59	1.004508.000.00.00.H45	Cấp giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng		Không	Không
60	2.002739.000.00.00.H45	Sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.		Không	Không
61	2.002740.000.00.00.H45	Cấp lại giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.		Không	Không
62	1.009374.000.00.00.H45	Cấp giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	Bảo chí	Không	Không
63	1.009386.000.00.00.H45	Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)		Không	Không
64	2.001171.000.00.00.H45	Cho phép hợp báo (trong nước)		Không	Không
65	2.001173.000.00.00.H45	Cho phép hợp báo (nước ngoài)		Không	Không
66	1.003868.000.00.00.H45	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	Xuất bản, in và Phát hành	Có	Có
67	2.001594.000.00.00.H45	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm		Không	Không
68	2.001584.000.00.00.H45	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm		Không	Không
69		Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm		Không	Không

	1.003729.000.00.00.H45				
70	2.001564.000.00.00.H45	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài		Không	Không
71	1.004153.000.00.00.H45	Cấp giấy phép hoạt động in		Không	Không
72	2.001744.000.00.00.H45	Cấp lại giấy phép hoạt động in		Không	Không
73	2.001740.000.00.00.H45	Xác nhận đăng ký hoạt động cơ sở in		Không	Không
74	2.001737.000.00.00.H45	Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in		Không	Không
75	1.003725.000.00.00.H45	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh		Có	Có
76	1.003483.000.00.00.H45	Cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm		Không	Không
77	1.003114.000.00.00.H45	Cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm		Không	Không
78	1.008201.000.00.00.H45	Cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm		Không	Không
79	1.003888.000.00.00.H45	Trung bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài (địa phương)	Thông tin đối ngoại	Không	Không